TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2021
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Bà Phạm Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: *Không tham gia phiên toà.*

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C** – sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T** – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau 1 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 20/01/1996, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T bỏ đi theo người phụ nữ khác, anh sống không có trách nhiệm với gia đình, về đến nhà thì vợ chồng lời

qua tiếng lại dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Chị đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm:

1. Phạm Thị Diễm T, sinh ngày 30/01/1997

2. Phạm Thế V, sinh ngày 13/12/1999

3. Phạm Thị Ái T, sinh ngày 07/3/2003

4. Phạm Thị Minh T, sinh ngày: 27/6/2005

Các con Phạm Thị Diễm T, Phạm Thế V , Phạm Thị Ái Trân đã trưởng thành. Riêng cháu Phạm Thị Minh T đang sống với tôi và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay tại tòa án chị Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- *Về con chung:* Các con Phạm Thị Diễm T, sinh ngày 30/01/1997, Phạm Thế V, sinh ngày 13/12/1999, Phạm Thị Ái T, sinh ngày 07/3/2003 đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày: 27/6/2005. Chị không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Phạm Văn T:** Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh Phạm Văn T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Tú đều vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Phạm Văn T đang cư trú tại Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không ly do, phía chị Chi đồng ý xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 20/01/1996 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị C là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C cho rằng anh T bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác. Trong cuộc sống hàng ngày anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, về đến nhà thì vợ chồng lời qua tiếng lại dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Chị C đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không khả năng hàn gắn, vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, trong thời gian ly thân anh chị không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh T, chị C không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….", điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập anh T tham gia phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ rằng anh T không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị C.

[4]Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị C đối với cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày 27/6/2005. Hội đồng sơ thẩm xét thấy, từ ngày vợ chồng anh T, chị C ly thân cho đến nay cháu T vẫn được chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 02/2/2021, cháu T đề đạt nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi chị C và anh T ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện ổn định cho cháu Thư được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, Hồi đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Phạm Thị Minh T cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Về cấp dưỡng, Do chị Ckhông yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh T

Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày: 27/6/2005 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2**.** Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày: 27/6/2005 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008152 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo, chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
-THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt